

Bản án: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày 07 - 8 - 2024

“V/v Ly hôn”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Biên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Anh Dũng.

2. Ông Nguyễn Lâm Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đồng Khánh Ly, thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Hà Đăng Chương, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2024/TLST-HNGĐ ngày 5 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

- Bị đơn: Bà Hà Thị N, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án ông Nguyễn Văn Đ trình bày:** Ông kết hôn với bà Hà Thị N ngày 16/6/2001, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã N (nay là thị trấn N), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình ông, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ đầu tháng 10/2001, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống và trong làm ăn phát triển kinh tế, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2002, ông đã đến gia đình bố mẹ đẻ bà N hỏi thì được biết bà N đi làm thuê ở tỉnh Lạng Sơn nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Bà N vẫn về gia đình mẹ đẻ chơi trong những dịp lễ tết nhưng không về chung sống cùng ông, vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2002 đến nay không còn quan hệ tình cảm, không gặp nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà N được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 20/7/2001, hiện tại cháu H đã lấy chồng tại thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, do vậy ông đề nghị Tòa án không giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ của vợ chồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 5/6/2024 chị Nguyễn Thị Bích H trình bày: Chị là con của bố Nguyễn Văn Đ và mẹ Hà Thị N, chị xác định từ khi lớn lên đến lúc đi lấy chồng chị ở cùng bố và ông bà nội. Trong thời gian ở với bố thì mẹ chị vẫn về thăm chị và gia đình bên ngoại, chị được nghe nói là mẹ lên tỉnh Lạng Sơn làm thuê nhưng không rõ làm thuê ở đâu. Chị đã liên lạc với mẹ về việc bố chị làm đơn ly hôn tại Toà án tuy nhiên mẹ chị không về.

Tại biên bản xác minh ngày 13/6/2024 bà Trần Thị Đào m đẻ bà Hà Thị N trình bày: Năm 2001 bà N lấy ông Nguyễn Văn Đ, có một con gái là Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 2001. Từ đầu năm 2002 bà N đã về chung sống cùng bà đến cuối năm 2002 thì bà N đi làm ăn buôn bán ở tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu bà N thường xuyên về gia đình, từ đầu năm 2022 đến nay bà N ít về, chỉ liên lạc qua điện thoại, bà N làm gì và ở địa chỉ nào tại tỉnh Lạng Sơn bà không biết. Bà đã điện thoại liên lạc thông báo cho bà N biết là ông Đ đang đề nghị giải quyết ly hôn tại Toà án, bà N nói với bà là vợ chồng sống ly thân hơn 20 năm nay không còn tình cảm, nên không về Toà giải quyết, bà N đề nghị Toà án giải quyết việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Qua xác minh đại diện chính quyền địa phương xác định như sau, Bà Hà Thị N có địa chỉ thường trú tại thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang, chủ hộ là bà Trần Thị Đào m đẻ bà N. Qua rà soát thông tin công dân trong cơ sở D về dân cư thì bà N không đăng ký tạm trú ở đâu. Qua nắm bắt thông tin từ gia đình thì được biết bà N hiện vẫn đang làm ăn buôn bán tại tỉnh Lạng Sơn, vẫn về thăm gia đình vài ngày rồi lại đi ngay nên địa phương không nắm bắt được bà N hiện cư trú ở địa chỉ nào để cung cấp cho Toà án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Hà Thị Ngọc n: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tại các buổi làm việc cũng như quá trình giải quyết vụ án bà N không đến Tòa án làm việc và không cung cấp lời khai thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà ông Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà Hà Thị N được ly hôn. Về nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung, tài sản và công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn bà Hà Thị N không chấp hành theo đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hà Thị N được ly hôn.

Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập phiên tòa và quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn bà Hà Thị N, nhưng bà N vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Ông Nguyễn Văn Đ kết hôn bà Hà Thị N ngày 16/6/2001 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã N (nay là thị trấn N), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình ông Đ, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc hiện vợ chồng đã có một con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung và tài sản, công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án về Ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh tháng 10/2001, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Ông Đ và bà N sống ly thân từ đầu năm 2002, bà N đã không về nhà ông Đ, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay ông Đ xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà N được ly hôn.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Văn Đ và bà Hà Thị N đã xảy ra căng thẳng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân hơn 20 năm, không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Đ xin ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, xử cho ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn bà Hà Thị N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 2001 đã trưởng thành, lấy chồng và có cuộc sống riêng ổn định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Ông Nguyễn Văn Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định. Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hà Thị N được ly hôn.

**[2] Về con chung:** Không đặt ra xem xét giải quyết.

**[3] Về tài sản; công nợ chung:** Không đặt ra xem xét giải quyết.

**[4] Về án phí:** Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông Đ đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí; lệ phí Tòa án số: 0006869 ngày 5/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- UBND thị trấn Nhã Nam;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huy Biên**